

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2019/DS-ST

Ngày: 17/4/2019

V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thúc.

2. Bà Lưu Thị Tuyết.

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Đàm Văn Dân.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị H; Sinh năm 1974;

Địa chỉ: xóm N, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- Các bị đơn:

Ông Hoàng Văn Q; Sinh năm 1974.

Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: xóm N, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. (Đều có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng: Ông Lục Minh T - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hòa An,

tỉnh Cao Bằng (Theo giấy ủy quyền số: 235/UBND-UQ ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng). Có mặt

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã B, Hòa An, Cao Bằng: Ông Sầm Quốc T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Hòa An, tỉnh Cao Bằng (Theo giấy ủy quyền số: 01/GUQ-UBND ngày 17/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, Hòa An, Cao Bằng). Có mặt

3. Đại diện Hạt kiểm lâm huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng: Ông Đoàn Trung H – Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. (Theo giấy ủy quyền số: 09a/GUQ-HKL ngày 15/02/2019 của Hạt kiểm lâm huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng). Có mặt.

4. Đại diện Công ty TNHH Quang Minh có địa chỉ tại Nam Phong, Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, Cao Bằng: Ông Đoàn Ngọc C - Tổ trưởng tổ bảo vệ phát triển rừng. (Theo giấy ủy quyền số 20/GUQ - CT ngày 17/4/2019 của Công ty TNHH Q Minh). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2018, nộp tại Tòa án ngày 11/9/2018, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà có thửa đất diện tích khoảng 155,5 m², tại xóm N, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận như sau: Phía đông và phía bắc giáp đường mòn lên nhà ông Dương Văn Q2; phía tây và phía nam giáp đất rừng của ông Hoàng Văn Q. Thửa đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc của thửa đất là trước năm 1991 do bố mẹ chồng của bà canh tác, sử dụng. Từ năm 1991, sau khi bà về làm dâu thì được bố mẹ chồng cho quản lý sử dụng để trồng kiệu, khoai, sắn, dứa. Đến năm 2013 thì bà chuyển sang trồng hắc dứa, những cây dứa to đã cho thu hoạch. Đến năm 2016 gia đình ông Hoàng Văn Q, địa chỉ ở xóm N, xã B, Hòa An, Cao Bằng khai thác cây rừng ở phần trên thửa đất và có làm cây đổ vào phần đất mà bà đang trồng dứa làm những cây dứa của bà bị hư hỏng với diện tích khoảng 40m². Lý do mà gia đình ông Q tranh chấp với bà về thửa đất trên là ông Q cho rằng thửa đất này nằm trong phần đất rừng 327 mà gia đình ông Q được giao trong Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp theo Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 26/2/1997.

Tuy nhiên, sau khi gia đình ông Q khai thác gỗ, bà đã mời đại diện Công ty TNHH Quang Minh xuống đo đạc trên bản đồ do bên Công ty TNHH Quang Minh quản lý thì bên đại diện Công ty TNHH Quang Minh xác định thửa đất trên không nằm trong phần đất mà gia đình ông Q được giao trong Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp theo Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 26/2/1997. Hơn nữa, sau khi

xảy ra tranh chấp bà làm đơn yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp giữa bà và gia đình ông Q thì ông Q thừa nhận là thửa đất này từ trước tới nay gia đình ông không được canh tác sử dụng. Đến khoảng tháng 9 năm 2018 gia đình ông Q đã tự ý nhổ những cây dứa mà bà đã trồng lên và trồng keo trên phần đất mà bà đã trồng dứa có diện tích khoảng 40m².

Sau khi bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án thì Tòa án đã xuống thực địa đo diện tích đất tranh chấp, theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng cung cấp thì phần diện tích hiện nay có những cây dứa to có diện tích là 126m² và phần diện tích đất mà bà đã trồng dứa nhưng ông Q đã nhổ lên và trồng keo xuống có diện tích là 44,7m² thì bà nhất trí với những phần diện tích mà cơ quan chức năng đã đo đạc.

Nay, bà yêu cầu được quyền quản lý, canh tác, sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 170,7m².

* Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: bị đơn ông Hoàng Văn Q trình bày: Về nguồn gốc của thửa đất đang tranh chấp là của ông cha trong gia đình ông để lại và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao theo đất rừng 327 giao vào năm 1994 và có quyết định giao đất năm 1997. Về quá trình quản lý và sử dụng phần đất đang tranh chấp ông không canh tác hoa màu với lý do là để khi khai thác cây ở rừng tiếp giáp phía trên thửa đất đổ xuống sẽ không bị ảnh hưởng. Trên đất tranh chấp không có ai canh tác gì, đến năm 2016, khi ông khai thác rừng thì trên phần đất này chỉ có vài cây dứa nên giữa gia đình ông và bà H đã phát sinh tranh chấp. Sau khi ông khai thác cây xong, bà H mới tiếp tục trồng dứa xuống chỗ đất tranh chấp này. Về diện tích đất tranh chấp, ông nhất trí với Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng cung cấp với diện tích là 170,7m².

Nay ông không nhất trí với yêu cầu của bà H, ông có ý kiến phần đất này liền kề với chỗ đất rừng 327 của ông nên ông yêu cầu được quản lý sử dụng

* Bị đơn Hoàng Thị D trình bày: bà lấy ông Hoàng Văn Q vào năm 1992. Từ khi về làm dâu gia đình ông Q thì bà thấy trên phần đất đang tranh chấp có những cây keo do gia đình chồng của bà trồng từ lâu. Đầu năm 2016, sau khi khai thác rừng gia đình bà tiếp tục trồng keo xuống phần đất đang tranh chấp và cũng tại thời điểm gia đình bà khai thác cây xong thì mới thấy bà H trồng dứa xuống phần đất đang tranh chấp.

Nay bà cũng không nhất trí với yêu cầu của bà H và bà nhất trí với ý kiến của ông Hoàng Văn Q.

* Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện UBND xã B: Về nguồn gốc đất tranh chấp nằm ở trên khu nhà của bà Dương Thị H, chỗ đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bên nào, cũng không thuộc đất công do UBND xã quản lý. Trước đây phía dưới thửa đất này có thửa đất số 184 diện tích 664m² gia đình bà Dương Thị H đã kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014. Tuy nhiên khi kê khai thì gia đình bà H không kê khai chỗ đất này nhưng

theo xã nằm được thì chỗ đất này trước đây là đất trống nằm ở giữa phía dưới phần đất rừng 327 của gia đình ông Q và phía trên thửa đất số 184 của gia đình bà H, tại chỗ đất này gia đình bà H có canh tác những cây ngắn ngày xuống phần lớn diện tích. Nay giữa hai bên có xảy ra tranh chấp thì theo ý kiến của UBND xã B giải quyết như biên bản giải quyết tại cơ sở, phần đất hiện nay gia đình bà H đang canh tác thì tiếp tục giao cho gia đình bà H quản lý canh tác, còn chỗ đất hiện nay có trồng những bụi dứa nhỏ và cây keo nhỏ do đất liền thửa với chỗ bà H đang trồng dứa và không nằm trong lô đất rừng 327 của gia đình ông Q nên đề nghị giao cho gia đình bà H quản lý canh tác.

- Ý kiến của đại diện Hạt kiểm lâm huyện Hòa An: Qua xem xét đối chiếu các tài liệu, hồ sơ thì phần đất hiện đang tranh chấp giữa các bên đương sự không thuộc phần đất rừng mà Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng cho Công ty TNHH Q Minh thuê đất, cũng không thuộc phần đất nông nghiệp. Trên bản đồ lâm nghiệp thể hiện phần đất đang tranh chấp là khoảng trống. Việc hai bên đương sự điều trình bày về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất nên đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập để giải quyết vụ án một cách hợp lý.

- Ý kiến của đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Quang Minh: Phần đất tranh chấp giữa hai gia đình trước đây Công ty đã được xuống xác định tại thực địa vào năm 2016. Đại diện Công ty khẳng định phần diện tích tranh chấp này không nằm trong lô đất rừng 327 của gia đình ông Q vì đất rừng 327 không bao giờ giao sát tận nhà dân.

- Ý kiến của đại diện UBND huyện Hòa An: Vị trí đất tranh chấp do nguyên đơn cung cấp. Từ trước đến nay bên nguyên đơn canh tác liên tục, khi xảy ra tranh chấp đã xác định đất không thuộc quyền quản lý của gia đình bị đơn nên ý kiến của UBND huyện Hòa An là nhất trí theo ý kiến của UBND xã Bình Dương.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về phía nguyên đơn. Các tài liệu được xác minh thu thập, chỉ ra rằng chỗ đất tranh chấp trước đây là phần đất trống chưa ai quản lý. Khoảng những năm 1990 gia đình nguyên đơn phát quang và trồng những cây ngắn ngày như ngô, khoai, sắn. Đến năm 2013 nguyên đơn chuyển sang trồng dứa. Đến năm 2016 thì phát sinh tranh chấp ở góc nhỏ thửa đất nên gia đình nguyên đơn mới trồng tiếp những cây dứa nhỏ xuống chỗ còn lại. Nên việc canh tác trên đất là có thật

Về phía bị đơn: Phía bị đơn khẳng định phần đất đang tranh chấp với bà Dương Thị H là nằm trong lô đất rừng 327 mà bên bị đơn được giao trong Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh

về lâm nghiệp theo Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 26/2/1997. Tuy nhiên, căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Công ty TNHH Q Minh thì xác định phần đất trên không nằm trong phần đất rừng 327 của gia đình bị đơn.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 15; Điều 100; khoản 1 Điều 125; Điều 131; Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Đề nghị TAND huyện Hòa An xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn; bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn. Vì vậy, đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, căn cứ khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Phần đất tranh chấp địa điểm tại xóm N, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hòa An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Gia đình bà H có thửa đất diện tích khoảng 170,7 m², tại xóm N, xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, thửa đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc của thửa đất là trước năm 1991 do bố mẹ chồng của bà H canh tác, sử dụng. Từ năm 1991, sau khi bà H về làm dâu thì được được bố mẹ chồng cho quản lý sử dụng để trồng kiệu, khoai, sắn, dứa. Đến năm 2013 thì bà H chuyển sang trồng hãn dứa ở phần lớn diện tích thửa đất, sau đấy đến năm 2016 gia đình ông Q khai thác gỗ ở phía trên đổ xuống làm hư hỏng ở phần góc nhọn diện tích nên bà H tiếp tục trồng những bụi dứa xuống phần đất này. Lý do mà gia đình ông Q tranh chấp thửa đất trên là phía ông Q cho rằng thửa đất này nằm trong phần đất rừng 327 mà gia đình ông Q được giao trong Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp theo Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 26/2/1997.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc gia đình ông Q xác định chỗ đất tranh chấp thuộc về gia đình ông quản lý là không đúng thực tế vì đại diện Công ty TNHH Quang Minh đã xuống đối chiếu trên bản đồ do bên Công ty TNHH Quang Minh quản lý thì bên đại diện Công ty TNHH Quang Minh xác định thửa

đất trên không nằm trong phần đất mà gia đình ông Q được giao trong Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp theo Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 26/2/1997. Trên thực tế trước khi gia đình ông Q được giao phần đất rừng 327 trong Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng và được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp theo Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 26/2/1997 thì gia đình bà H đã canh tác sử dụng trồng cây ngắn ngày như khoai, sắn. Hơn nữa, sau khi xảy ra tranh chấp nguyên đơn yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp thì ông Q thừa nhận là thửa đất này từ trước tới nay gia đình ông không được canh tác sử dụng nên việc ông Q cho rằng chỗ đất đang tranh chấp hiện nay là phần đất mà ông Q được giao theo đất rừng 327 là không có căn cứ.

[2.2]. Xét về nguồn gốc đất tranh chấp:

Về phần đất tranh chấp bà H cho rằng phần đất này do vợ chồng bà được bố mẹ chồng cho quản lý, sử dụng từ năm 1991, sau khi được quản lý thì vợ chồng bà tiếp tục trồng ngô khoai sắn. Đến năm 2013 thì bà H chuyển sang trồng dưa, việc bà H canh tác trên phần đất này thì những người dân trong làng đi lại đều biết. Quá trình xác minh tại cơ sở những người làm chứng ở trong xóm đều khẳng định là gia đình bà H thường xuyên canh tác trên phần đất này.

Xác minh tại UBND xã Bình Dương ý kiến của Chủ tịch UBND xã Bình Dương như sau: Về phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thuộc đất công do UBND xã quản lý.

Tòa án đã xác minh quá trình quản lý sử dụng đối với phần đất này của gia đình phía nguyên đơn cho thấy quá trình quản lý sử dụng liên tục và kéo dài từ năm 1991 cho đến nay, đối với quá trình giao đất rừng 327 cho gia đình bị đơn diễn ra sau thời điểm gia đình nguyên đơn canh tác và phần đất này không nằm trong phần đất 327 mà gia đình bị đơn quản lý.

Nay về việc giải quyết tranh chấp thì đại diện cho UBND xã Bình Dương có ý kiến giải quyết như hòa giải tại xã, đồng thời các cơ quan chuyên môn trên cũng nhất trí là tạm giao đất tranh chấp cho bà H sẽ là người tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi được giao đất bà H phải có trách nhiệm kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Như vậy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên cần chấp nhận. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ.

[4]. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2019. Diện tích đất tranh chấp tích là 170,7m² (trong đó phần phía đông có các bụi dưa to diện tích là 126m², phần phía bắc có những bụi dưa nhỏ và những cây keo giống mới trồng có diện tích là 44,7m²) thuộc xóm N, xã B, Hòa An, Cao Bằng.

Tứ cận của thửa đất như sau: Phía tây giáp đất rừng ông Hoàng Văn Q, có ranh giới giữa đất rừng ông Q và đất tranh chấp được xác định bởi bậc ngăn cách; Phía nam giáp đất rừng của ông Hoàng Văn Q, ranh giới giữa đất rừng của ông Q và đất tranh chấp được xác định bởi mương nước; Phía đông và phía bắc giáp đường dân sinh lên nhà ông Dương Văn Q2.

Trên đất có một số bụi cây dừa to do bà H trồng. Tài sản trên đất không tranh chấp hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của bà Dương Thị H là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận nên ông Hoàng Văn Q, bà Hoàng Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Bà Dương Thị H đã nộp 3.560.000đ (*Ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó buộc ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị D phải liên đới hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị D số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là đúng với quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 15; Điều 100; khoản 1 Điều 125; Điều 131; Điều 203; Điều 210 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các bị đơn ông Hoàng Văn Q, bà Hoàng Thị D.

2. Tạm giao đất diện tích đất tranh chấp tích là 170,7m² (trong đó phần phía đông có các bụi dừa to diện tích là 126m², phần phía bắc có những bụi dừa nhỏ và những cây keo giống mới trồng có diện tích là 44,7m²) thuộc xóm N, xã B, Hòa An, Cao Bằng cho bà Dương Thị H quản lý, sử dụng. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía tây giáp đất rừng ông Hoàng Văn Q, có ranh giới giữa đất rừng ông Q và đất tranh chấp được xác định bởi bậc ngăn cách;

- Phía nam giáp đất rừng của ông Hoàng Văn Q, ranh giới giữa đất rừng của ông Q và đất tranh chấp được xác định bởi mương nước;

- Phía đông và phía bắc giáp đường dân sinh lên nhà ông Dương Văn Q2.

(Có sơ đồ kèm theo).

Khi được giao đất bà H phải có trách nhiệm kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai.

3. Về án phí:

Buộc các bị đơn ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

- Về chi phí tố tụng: Buộc các bị đơn ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị D phải liên đới trả chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.560.000đ (*Ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho bà Dương Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lục Thanh Hải